

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
SANNA KHÁNH HÒA



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD

Website : www.kiemtoan.net.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
SANNA KHÁNH HÒA**



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. THÔNG TIN CHUNG	2 - 3
3. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	4
4. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
5.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
5.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
5.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
5.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

THÔNG TIN CHUNG

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa, được thành lập trên cơ sở tách toàn bộ tài sản và lao động của Nhà máy Nước giải khát Sanna theo Quyết định số 2340/QĐ-YS ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2016 và các lần thay đổi sau đó.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1795/QĐ-UBND về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa thành Công ty cổ phần.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa đã được tổ chức và đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần, bầu các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16 tháng 11 năm 2017, kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa.

Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là 50.000.000.000 VND và không đổi qua các lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SKN.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại : (0258) 3865 678

Fax : (0258) 3865 676

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Khai thác nước khoáng thiên nhiên; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống không có cồn, rượu, bia; Bán lẻ đồ uống không có cồn, rượu, bia; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động...

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Lê Thị Hồng Vân	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Văn Lành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên	
Bà Nguyễn Hạ Hiền	Thành viên	
Ông Đào Minh Tú	Thành viên	

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Trưởng ban		
Ông Bùi Hoàng Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày	27/06/2020
Bà Đinh Thị Thúy Phương	Thành viên		
Ông Nguyễn Cao Kỳ	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày	27/06/2020

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày	30/06/2020
Ông Nguyễn Văn Lành	Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày	30/06/2020
Ông Nguyễn Văn Lành	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày	30/06/2020
Bà Nguyễn Lê Thùy Linh	Phó Giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Hạnh Quyên	Kế toán trưởng		

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến trước ngày 27/06/2020 là bà Lê Thị Hồng Vân - Chủ tịch Hội đồng quản trị, còn từ ngày 27/06/2020 là ông Nguyễn Khoa Bảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc



Nguyễn Khoa Bảo

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Số: 025/2021/BCTC-FACNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
CHI NHÁNH NHA TRANG**



Nguyễn Thịnh
Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0473-2018-099-1
Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021



Đặng Thành Lâm
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4265-2018-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.605.477.538	37.244.792.302
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	9.050.205.087	8.653.355.128
1. Tiền	111		9.050.205.087	7.653.355.128
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.743.284.018	21.371.130.043
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 2	6.953.702.929	5.928.462.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		41.094.424	35.719.153
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 3.a	17.748.486.665	15.406.948.680
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		8.412.621.756	6.997.306.543
1. Hàng tồn kho	141	V. 4	8.412.621.756	6.997.306.543
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		399.366.677	223.000.588
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 5.a	73.562.161	221.739.050
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		310.113.968	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 8	15.690.548	1.261.538
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.371.836.006	26.474.857.605
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85.800.000	85.800.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V. 3.b	85.800.000	85.800.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.183.564.494	12.507.968.742
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 6	9.183.564.494	12.507.968.742
<i>Nguyên giá</i>	222		43.795.037.277	43.145.856.368
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(34.611.472.783)	(30.637.887.626)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.102.471.512	13.881.088.863
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 5.b	12.102.471.512	13.881.088.863
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		63.977.313.544	63.719.649.907

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.251.113.847	12.419.317.443
I. Nợ ngắn hạn	310		10.251.113.847	12.419.317.443
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 7	8.813.674.661	7.264.551.332
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 8	-	432.231.112
4. Phải trả người lao động	314		901.289.996	1.212.240.121
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 9	419.538.464	731.695.698
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 10	84.063.838	2.746.052.292
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 11	32.546.888	32.546.888
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.726.199.697	51.300.332.464
I. Vốn chủ sở hữu	410		53.726.199.697	51.300.332.464
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 12	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V. 12	26.626.709	26.626.709
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 12	1.273.705.755	1.273.705.755
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 12	2.425.867.233	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.425.867.233	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		63.977.313.544	63.719.649.907

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Thị Hạnh Quyên
Kế toán trưởng
Người lập biểu



Nguyễn Văn Lành
Giám đốc



Nguyễn Khoa Bào
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	88.669.453.014	133.941.734.873
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 1	-	25.985.197
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		88.669.453.014	133.915.749.676
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	57.930.460.548	92.549.756.357
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.738.992.466	41.365.993.319
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		59.333.881	17.585.899
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI. 3	13.332.032.518	19.673.204.849
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 4	14.646.735.905	16.927.371.498
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.819.557.924	4.783.002.871
11. Thu nhập khác	31		21.880.300	85.123.181
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		21.880.300	85.123.181
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.841.438.224	4.868.126.052
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 5	415.570.991	996.562.706
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.425.867.233	3.871.563.346
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 6	398	635

Nguyễn Thị Hạnh Quyên
Kế toán trưởng
Người lập biểu

Nguyễn Văn Lành
Giám đốc



Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.841.438.224	4.868.126.052
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V. 6	3.973.585.157	5.701.877.434
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(59.333.881)	(17.585.899)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.755.689.500	10.552.417.587
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.287.167.953)	7.011.393.151
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.415.315.213)	(1.361.602.659)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		659.740.101	(3.021.133.075)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.926.794.240	1.757.111.110
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V. 8	(688.514.679)	(730.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V. 11	1.968.500.000	1.300.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V. 11	(4.378.029.000)	(10.051.058.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.541.696.996	5.457.128.114
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(649.180.909)	(1.118.891.581)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		59.333.881	17.585.899
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(589.847.028)	(1.101.305.682)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2020	2019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V. 12.d	(2.555.000.009)	(2.420.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.555.000.009)	(2.420.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		396.849.959	1.935.822.432
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V. 1	8.653.355.128	6.717.532.696
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V. 1	9.050.205.087	8.653.355.128

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Thị Hạnh Quyên
Kế toán trưởng
Người lập biểu



Nguyễn Văn Lành
Giám đốc



Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Khai thác nước khoáng thiên nhiên; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống không có cồn, rượu, bia; Bán lẻ đồ uống không có cồn, rượu, bia; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

5. Sự kiện ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

Dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) diễn ra từ cuối năm 2019 và diễn biến phức tạp ở đầu năm 2020, sau đó tiếp tục bùng phát lần thứ 2 vào tháng 7/2020, diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty, làm cho doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giảm nhiều so với năm trước. Công ty đã thực hiện các giải pháp phòng chống dịch theo quy định của Chính phủ và Chính quyền địa phương, điều tiết hoạt động kinh doanh để giảm ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 165 người (tại ngày 31/12/2019 là 186 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán cũng như lập và trình bày báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Do đó, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập và trình bày báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm các chi phí trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản, còn các chi phí bảo trì và sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

1924
CÓN
-H KI
F2
HI N
HA
BANC

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị 05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải 05 - 10 năm

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

1-06
TY
MT
C
IÁN
RAN
-T.K

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Tiền mặt tại quỹ	679.581.542	1.182.317.310
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.370.623.545	6.471.037.818
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	1.000.000.000
Cộng	<u>9.050.205.087</u>	<u>8.653.355.128</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Phải thu các bên liên quan	2.852.852.094	2.885.358.844
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Yên sào Khánh Hòa	1.411.843.833	1.827.520.757
- Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	233.235.200	69.600.680
- Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yên sào Khánh Hòa	15.708.000	11.030.800
- Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yên sào Khánh Hòa	5.398.800	6.263.400
- Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	-	44.089.180
- Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	-	12.366.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yên sào Khánh Hòa Lâm Đồng	-	9.292.800
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	217.445.320	-
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Yên sào Khánh Hòa	851.906.780	894.990.747
- Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	-	10.204.480
- Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	117.314.161	-
Phải thu các khách hàng về hoạt động kinh doanh	4.100.850.835	3.043.103.366
- Công ty TNHH MTV Nha Trang Palace	1.000.408.000	2.751.167.460
- Các khách hàng khác	3.100.442.835	291.935.906
Cộng	<u>6.953.702.929</u>	<u>5.928.462.210</u>

3. Phải thu khác

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
3.a Phải thu khác ngắn hạn	17.748.486.665	15.406.948.680
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	17.733.097.599	15.323.568.599
Tạm ứng của người lao động	11.635.000	82.432.094
Các khoản khác	3.754.066	947.987
3.b Phải thu khác dài hạn	85.800.000	85.800.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	85.800.000	85.800.000
Cộng	<u>17.834.286.665</u>	<u>15.492.748.680</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,

thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

4. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	656.322.965	-	869.276.467	-
Công cụ, dụng cụ, bao bì	6.881.851.858	-	3.093.777.814	-
Thành phẩm	344.737.385	-	2.201.958.165	-
Hàng hóa	60.902.243	-	127.536.413	-
Hàng gửi đi bán	468.807.305	-	704.757.684	-
Cộng	8.412.621.756	-	6.997.306.543	-

5. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
5.a Chi phí trả trước ngắn hạn	73.562.161	221.739.050
Chi phí công cụ, dụng cụ	47.562.161	195.739.050
Chi phí khác	26.000.000	26.000.000
5.b Chi phí trả trước dài hạn	12.102.471.512	13.881.088.863
Lợi thế kinh doanh theo xác định giá trị doanh nghiệp	12.097.838.432	13.846.923.499
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	4.633.080	34.165.364
Tổng cộng	12.176.033.673	14.102.827.913

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2020	25.822.144.023	14.044.559.615	3.279.152.730	43.145.856.368
Đầu tư hoàn thành	-	-	649.180.909	649.180.909
Tại 31/12/2020	25.822.144.023	14.044.559.615	3.928.333.639	43.795.037.277
Trong đó đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.221.252.359	9.820.023.108	1.012.661.622	12.053.937.089
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2020	17.066.688.989	11.325.045.888	2.246.152.749	30.637.887.626
Trích khấu hao	2.926.114.659	698.875.515	348.594.983	3.973.585.157
Tại 31/12/2020	19.992.803.648	12.023.921.403	2.594.747.732	34.611.472.783
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2020	8.755.455.034	2.719.513.727	1.032.999.981	12.507.968.742
Tại 31/12/2020	5.829.340.375	2.020.638.212	1.333.585.907	9.183.564.494

7. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả cho các bên liên quan	9.760.981	1.685.803.564
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	-	1.601.061.563
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	9.760.981	84.742.001
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	8.803.913.680	5.578.747.768
- Công ty Cổ phần Nhựa Ninh Thuận	2.941.900.808	1.685.786.454
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Minh Thông Khánh Hòa	1.848.834.222	735.458.692
- Công ty Cổ phần Đông Á	1.149.456.550	418.950.510
- Công ty TNHH Hiệp Hưng	1.088.702.760	512.240.366
- Các nhà cung cấp khác	1.775.019.340	2.226.311.746
Cộng	8.813.674.661	7.264.551.332

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau:

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm		31/12/2020	
	Phải thu (*)	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu (*)	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	173.716.433	3.267.305.364	3.441.021.797	-	-
Thuế TNDN	-	258.514.679	415.570.991	688.514.679	14.429.009	-
Thuế TNCN	1.261.538	-	585.109.007	585.109.008	1.261.539	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	42.240.000	42.240.000	-	-
Cộng	1.261.538	432.231.112	4.310.225.362	4.756.885.484	15.690.548	-

(*) Thuế phải thu (thuế nộp thừa) được trình bày tại chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.13 và thuyết minh VI.5.

Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

9. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Trích trước chi phí tiếp thị bán hàng	254.984.739	439.422.680
Trích trước chi phí ăn ca	107.520.000	134.700.000
Trích trước các chi phí khác	57.033.725	157.573.018
Cộng	419.538.464	731.695.698

10. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
Cổ tức phải trả	2.686.164	2.557.686.173
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	81.377.674	81.377.674
Các khoản khác	-	106.988.445
Cộng	84.063.838	2.746.052.292

11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	Quỹ thưởng ban điều hành	Tổng cộng
Tại 01/01/2020	(15.323.568.599)	32.546.888	(15.291.021.711)
Nhận hỗ trợ kinh phí	1.968.500.000	-	1.968.500.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	(4.378.029.000)	-	(4.378.029.000)
Tại 31/12/2020	(17.733.097.599)	32.546.888	(17.700.550.711)

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt được trình bày ở chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh V.3).

12. Vốn chủ sở hữu**12.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2019	50.000.000.000	26.626.709	654.255.619	-	50.680.882.328
Lợi nhuận sau thuế năm 2019	-	-	-	3.871.563.346	3.871.563.346
Trích lập các quỹ	-	-	619.450.136	(1.267.549.840)	(648.099.704)
Trích thù lao của HĐQT và BKS	-	-	-	(48.781.698)	(48.781.698)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.555.231.808)	(2.555.231.808)
Tại 31/12/2019	50.000.000.000	26.626.709	1.273.705.755	-	51.300.332.464
Tại 01/01/2020	50.000.000.000	26.626.709	1.273.705.755	-	51.300.332.464
Lợi nhuận sau thuế năm 2020	-	-	-	2.425.867.233	2.425.867.233
Tại 31/12/2020	50.000.000.000	26.626.709	1.273.705.755	2.425.867.233	53.726.199.697

12.b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Cổ đông				
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa	25.500.000.000	51,00	25.500.000.000	51,00
Các cổ đông khác	24.500.000.000	49,00	24.500.000.000	49,00
Cộng	50.000.000.000	100,00	50.000.000.000	100,00

12.c Cổ phiếu

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đều là cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND.

12.d Cổ tức

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2020, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 với tỷ lệ là 5,11% vốn điều lệ, tương đương tổng số tiền cổ tức là 2.555.231.808 đồng. Số cổ tức đã được chi trả cho cổ đông trong năm 2020 là 2.555.000.009 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.a Tổng doanh thu

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.669.453.014	133.941.734.873
Các khoản giảm trừ	-	25.985.197
Doanh thu thuần	88.669.453.014	133.915.749.676
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	71.771.158.772	103.021.500.243
Doanh thu thuần bán hàng hóa	16.898.294.242	30.894.249.433

1.b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	18.148.424.070	24.045.378.524
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	1.075.289.199	1.912.046.689
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	418.478.579	862.944.671
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	169.593.020	247.060.356
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	242.052.490	396.597.127
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	144.447.755	209.496.728
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	81.376.400	185.160.300
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	130.548.000	465.412.000
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh	4.724.508	11.051.847
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	6.633.058.838	20.772.065.322
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	1.879.930.776	2.433.135.255
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa	115.832.037	79.991.573
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	1.062.268.645	-
Cộng	30.106.024.317	51.620.340.392

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn của thành phẩm	44.023.174.975	68.892.785.949
Giá vốn của hàng hóa	13.907.285.573	23.656.970.408
Cộng	57.930.460.548	92.549.756.357

3. Chi phí bán hàng

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí cho nhân viên	5.381.875.885	6.653.637.145
Chi phí vật liệu và đồ dùng	909.382.964	869.954.643
Chi phí khấu hao	224.477.229	358.260.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.494.909.951	6.872.944.172
Các chi phí khác	2.321.386.489	4.918.408.166
Cộng	13.332.032.518	19.673.204.849

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên quản lý	7.256.656.071	9.321.403.296
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	780.352.698	865.439.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.053.969.872	3.178.525.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	598.303.851	1.295.937.593
Các chi phí khác	2.957.453.413	2.266.065.322
Cộng	14.646.735.905	16.927.371.498

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%. Năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do có doanh thu không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2020. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được dự tính như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.841.438.224	4.868.126.052
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	126.926.000	114.687.480
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.968.364.224	4.982.813.532
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	593.672.845	996.562.706
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(178.101.854)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	415.570.991	996.562.706

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.425.867.233	3.871.563.346
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	(436.656.102)	(696.881.402)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(388.138.757)	(619.450.135)
- Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thường Ban điều hành	(48.517.345)	(77.431.267)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.989.211.131	3.174.681.944
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	398	635

(*) Công ty sử dụng tỷ lệ phân phối lợi nhuận kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua để tạm trích các quỹ nhằm xác định chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2020.

7. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.317.878.367	60.018.619.824
Chi phí nhân công	18.896.697.588	23.988.026.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.973.585.157	5.701.877.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.677.721.604	8.168.881.765
Chi phí khác bằng tiền	5.278.839.902	7.989.248.493
Cộng	70.144.722.618	105.866.653.655

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa	Công ty CP Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	Công ty CP Nước giải khát Sanest Khánh Hòa là chủ sở hữu Công ty này
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	19.945.048.340	26.399.088.370
Thu tiền bán hàng	19.008.846.864	29.931.342.646
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	1.351.878.400	126.293.650
Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ	1.351.878.400	1.474.438.450
Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ nhờ chi hộ	-	73.275.000
Thanh toán tiền mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.421.419.800
Chi trả lợi nhuận/cổ tức	-	1.199.114.911
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land		
Phải thu tiền bán hàng	1.182.818.120	2.103.251.360
Thu tiền bán hàng	1.019.183.600	2.268.894.680
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Phải thu tiền bán hàng	460.326.440	949.239.140
Thu tiền bán hàng	485.324.620	936.418.460
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	19.091.000	-
Phải trả tiền mua hàng hóa	19.091.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Phải thu tiền bán hàng	186.552.320	271.766.390
Thu tiền bán hàng	25.051.173	82.685.924
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	161.501.147	230.416.255
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu và dịch vụ	290.838.477	562.025.634
Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu và dịch vụ	204.318.350	246.867.378
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan		
Phải thu tiền bán hàng	266.257.740	436.256.840
Thu tiền bán hàng	278.623.740	493.411.340
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	158.892.530	230.446.400
Thu tiền bán hàng	154.215.330	252.748.600
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	89.514.040	203.676.330
Thu tiền bán hàng	90.378.640	205.915.930
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng		
Phải thu tiền bán hàng	143.602.800	511.953.200
Thu tiền bán hàng	152.895.600	567.010.400

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	7.296.364.718	22.831.517.859
Thu tiền bán hàng	1.150.102.867	14.930.503.016
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	5.928.816.531	13.349.927.401
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	14.841.994.429	26.635.529.396
Phải trả về chi phí trả thưởng thanh toán hộ	-	98.211.200
Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	10.514.239.461	11.782.751.632
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	2.067.923.858	2.676.448.783
Thu tiền bán hàng	2.111.007.825	2.268.020.942
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	127.415.240	87.990.730
Thu tiền bán hàng	137.619.720	79.023.750
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	1.168.495.509	-
Thu tiền bán hàng	1.051.181.348	-
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Tiền thù lao	311.520.000	290.400.000
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng	912.984.295	1.329.827.000
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:		
Bên liên quan/Công nợ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	1.411.843.833	1.827.520.757
Phải trả tiền cổ tức (Thuyết minh V.10)	-	1.199.114.911
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	233.235.200	69.600.680
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	-	44.089.180
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Phải trả tiền mua hàng (Thuyết minh V.7)	9.760.981	84.742.001
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	-	12.366.000
Công ty TNHH MTV Quảng bá Sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	5.398.800	6.263.400

<u>Bên liên quan/Công nợ</u>	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	-	9.292.800
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	217.445.320	-
Phải trả tiền mua nguyên liệu (Thuyết minh V.2)	-	1.601.061.563
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	851.906.780	894.990.747
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	-	10.204.480
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	117.314.161	-

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng và vay ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của mình. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (chủ yếu đối với các khoản tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	<u>Đến 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán	7.264.551.332	-	-	7.264.551.332
Chi phí phải trả	731.695.698	-	-	731.695.698
Các khoản phải trả khác	2.746.052.292	-	-	2.746.052.292
Cộng	10.742.299.322	-	-	10.742.299.322
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán	8.813.674.661	-	-	8.813.674.661
Chi phí phải trả	419.538.464	-	-	419.538.464
Các khoản phải trả khác	84.063.838	-	-	84.063.838
Cộng	9.317.276.963	-	-	9.317.276.963

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.050.205.087	7.653.355.128	9.050.205.087	7.653.355.128
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	6.953.702.929	5.928.462.210	6.953.702.929	5.928.462.210
Phải thu khác	101.189.066	169.180.081	101.189.066	169.180.081
Cộng	16.105.097.082	14.750.997.419	16.105.097.082	14.750.997.419
Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả người bán	8.813.674.661	7.264.551.332	8.813.674.661	7.264.551.332
Chi phí phải trả	419.538.464	731.695.698	419.538.464	731.695.698
Các khoản phải trả khác	84.063.838	2.746.052.292	84.063.838	2.746.052.292
Cộng	9.317.276.963	10.742.299.322	9.317.276.963	10.742.299.322

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoài trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Các tài sản tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các tài sản tài chính khác được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Hạnh Quyên
Kế toán trưởng
Người lập biểu



Nguyễn Văn Lành
Giám đốc



Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Tạo Dựng Uy Tín và Niềm Tin

❖ **Trụ sở chính :**

Địa Chỉ : 64/4 Đường ĐHT 21, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. HCM
Tel : (0-28) 3636 4038 - 3636 4039 Fax : (0-28) 3719 3949
Email : kiemtoandenhat@gmail.com

❖ **Chi nhánh Nha Trang :**

Địa Chỉ : 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vĩnh Diễm Trung, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Tel : (0-258) 389 5777 Fax : (0-258) 389 3377
Email : fac_cnnhatrang@fac.com.vn

❖ **Chi nhánh Đệ Nhất :**

Địa Chỉ : 169 Trương Công Định, Phường 3, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Tel : (0-254) 354 3866 - 221 0287 Fax : (0-254) 625 3070
Email : fac_cnvungtau@fac.com.vn

❖ **Chi nhánh Miền Trung :**

Địa Chỉ : Tầng 5, Tòa nhà bưu điện thành phố, 01 Trần Phú, P. Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.
Tel : (0-235) 222 6889 Fax : (0-235) 383 7878
Email : fac_cnmientrung@fac.com.vn

❖ **Chi nhánh Hà Nội :**

Địa Chỉ : Phòng 2M05, Tầng 2A, Tòa nhà Cowa Tower, Số 199 Hồ Tùng Mậu, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.
Tel : (0-24) 7300 7886
Email : fac_cnhanoi@fac.com.vn